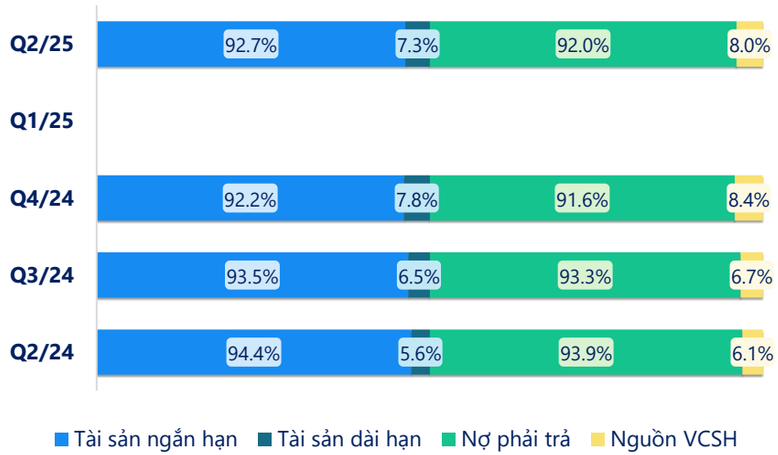
FireAnt

CTCP Xây lắp Thành An 96 (HNX: TA9)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	13,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,622
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,013
SL cổ phiếu LH	12,419,787
KLGD BQ 20 phiên (CP)	66,865
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	169
P/E	
EPS	

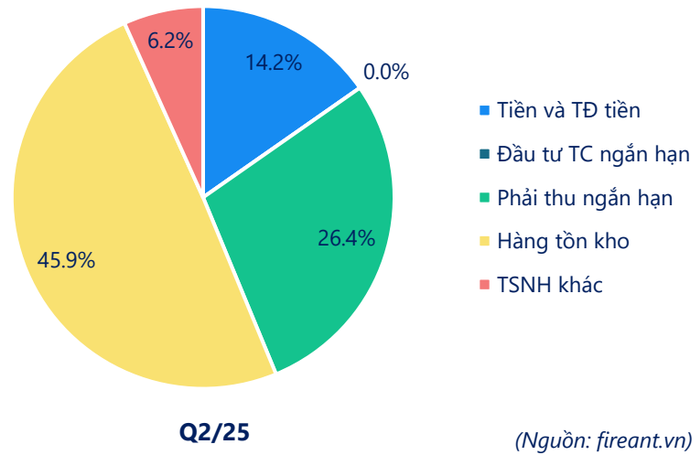
	YTD	1T	3T	6T
TA9	19.7%	6.2%	13.4%	18.7%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



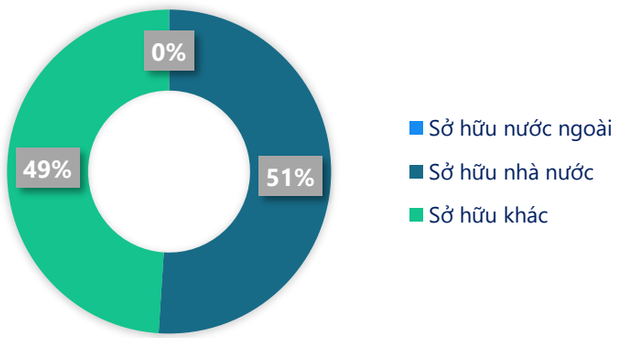
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



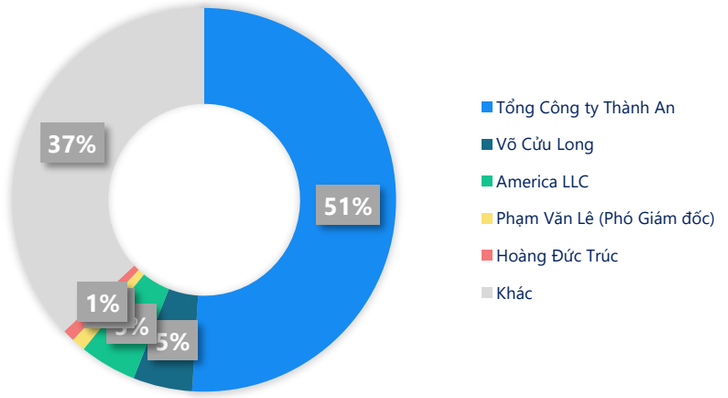
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



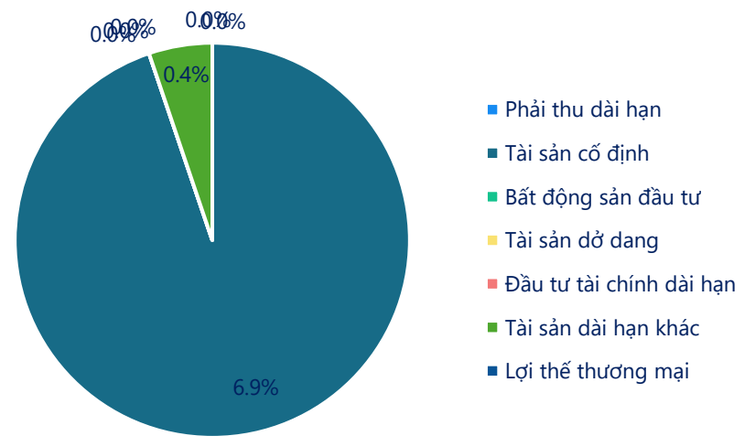
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

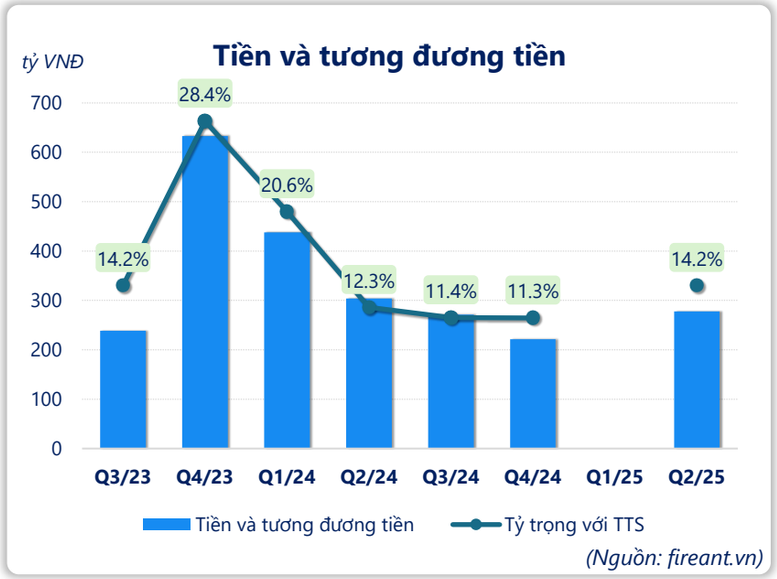
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



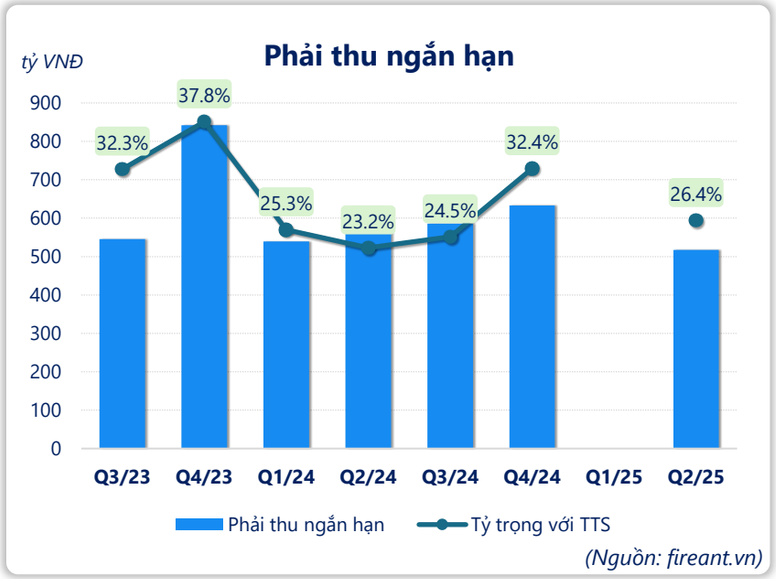
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

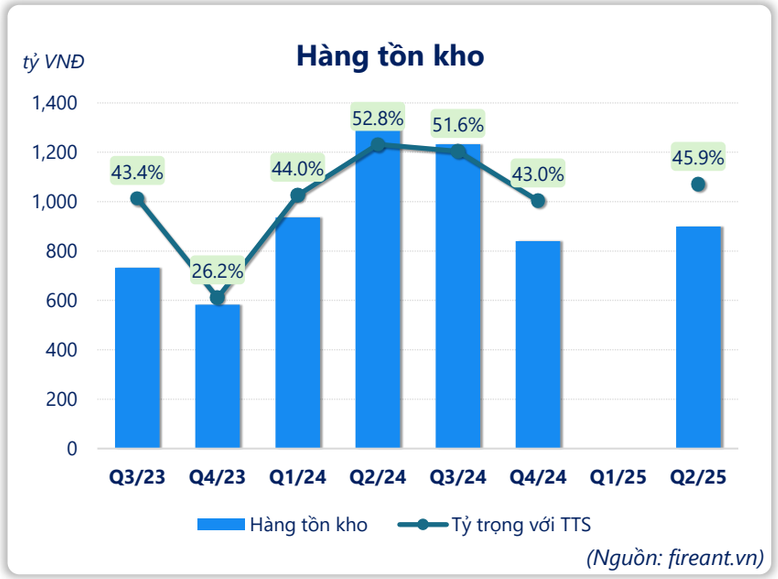
CTCP Xây lắp Thành An 96 (HNX: TA9)



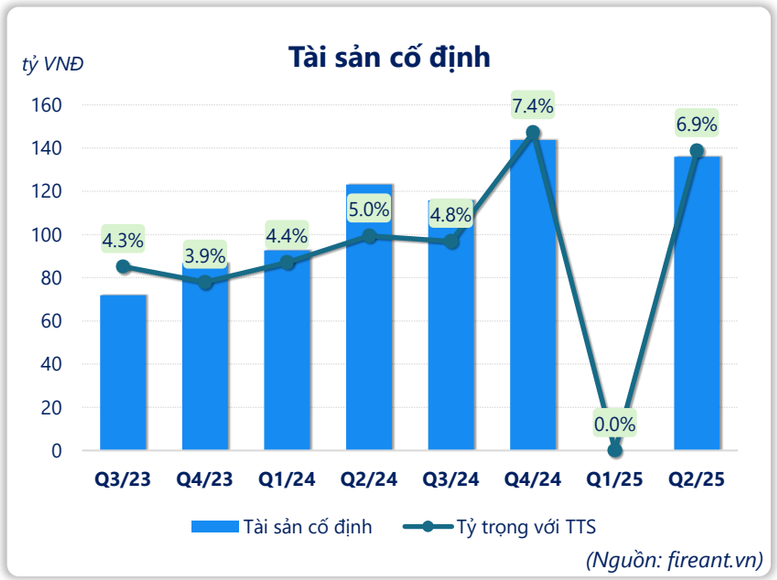
(Nguồn: fireant.vn)



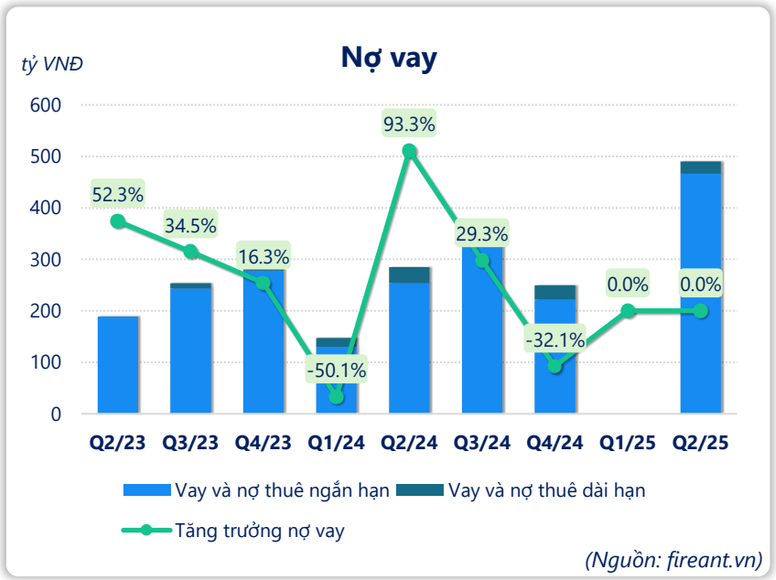
(Nguồn: fireant.vn)



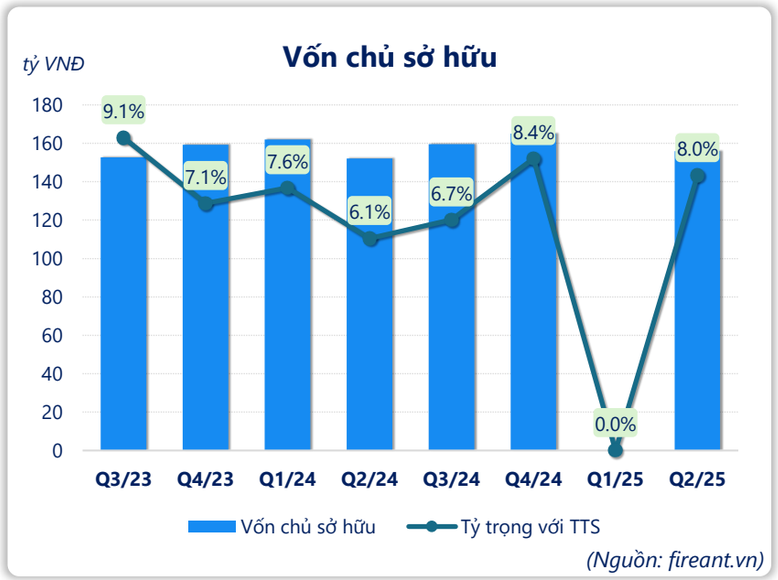
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



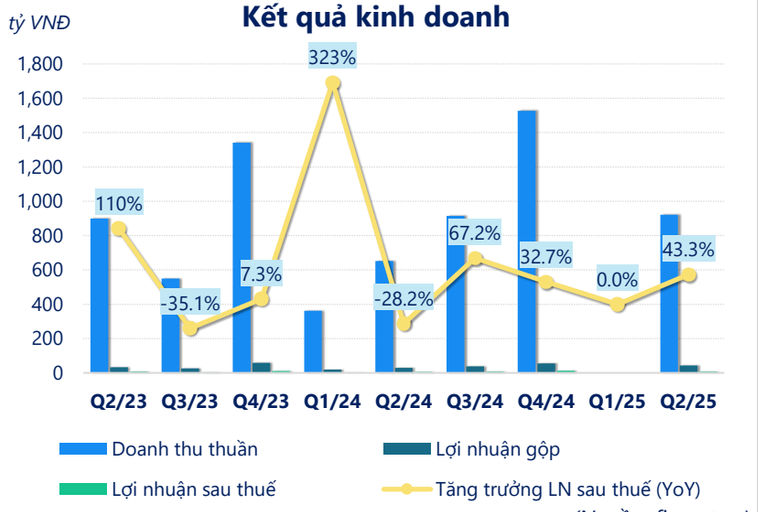
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

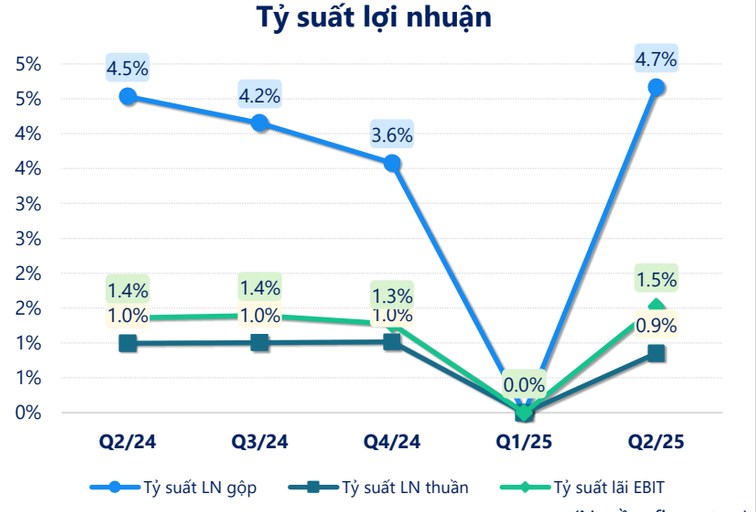
CTCP Xây lắp Thành An 96 (HNX: TA9)

Kết quả kinh doanh



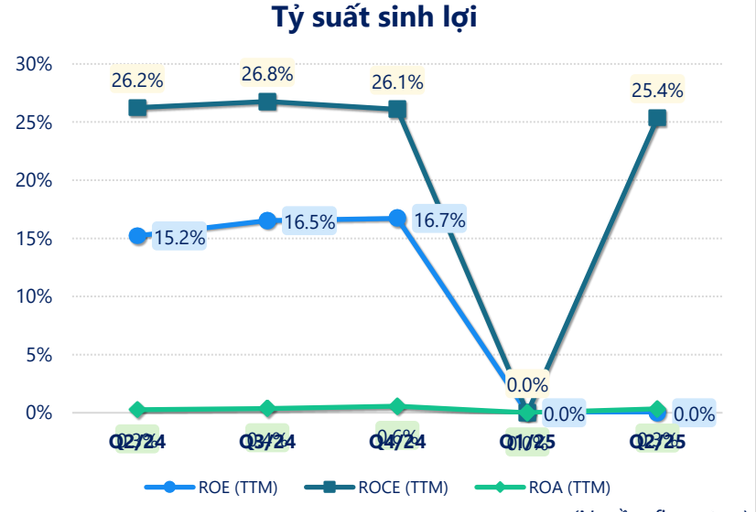
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



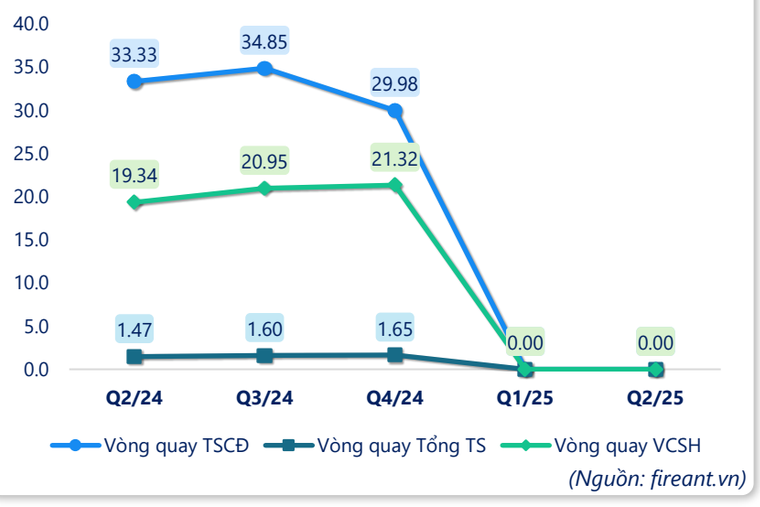
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



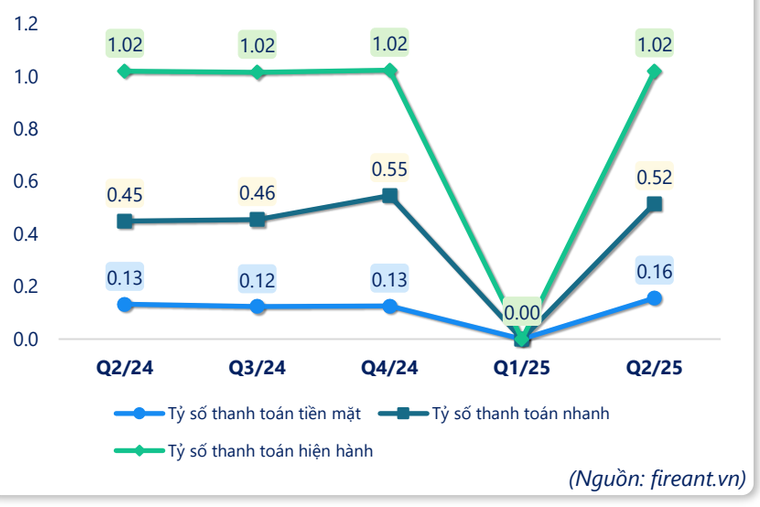
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



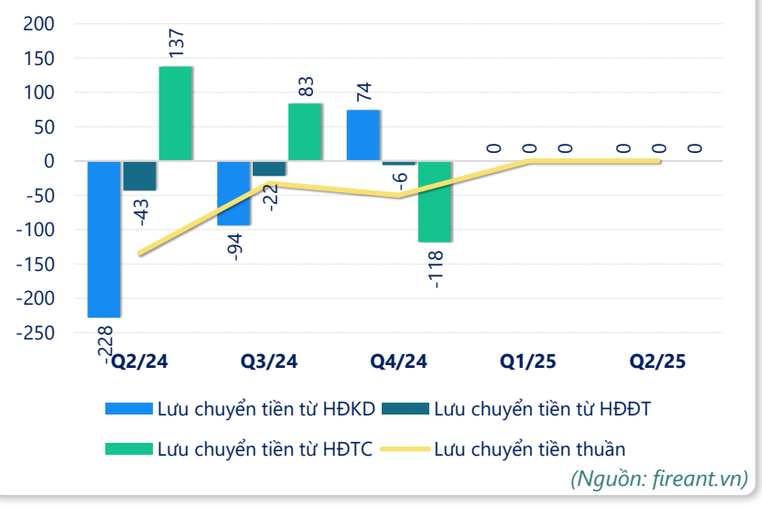
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Xây lắp Thành An 96 (HNX: TA9)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,960**	**1,953**	**0.3%**
Tài sản ngắn hạn	1,816	1,801	0.8%
Tiền và tương đương tiền	278	226	22.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	517	633	-18.3%
Hàng tồn kho	899	840	7.0%
Tài sản ngắn hạn khác	122	102	19.7%
Tài sản dài hạn	**144**	**152**	**-5.6%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	136	144	-5.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**7.46**	**8.38**	**-11.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,804	1,788	0.9%
Nợ ngắn hạn	**1,779**	**1,760**	**1.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	466	222	110%
Phải trả người bán ngắn hạn	621	827	-24.9%
Nợ dài hạn	24.9	27.9	-10.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	24.2	27.7	-12.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**156**	**165**	**-5.6%**
Vốn chủ sở hữu	**156**	**165**	**-5.6%**
Vốn điều lệ	124	124	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	651	915	1,527		921
Giá vốn hàng bán	622	877	1,472		878
Lợi nhuận gộp	29.5	38.0	54.7		43.0
Doanh thu HĐTC	1.11	0.66	0.90		0.49
Chi phí TC	2.36	3.55	4.15		4.67
Chi phí lãi vay	2.36	3.55	4.15		4.67
LN trong công ty LKLD	0	0	0		0
Chi phí bán hàng	0	0	0		0
Chi phí QLDN	21.8	25.9	35.9		30.9
LN thuần từ HĐKD	6.50	9.19	15.5		7.87
Lợi nhuận khác	0	0.00	-0.21		1.44
LN trước thuế	6.50	9.20	15.3		9.31
Lợi nhuận sau thuế	5.20	7.35	11.8		7.44
LNST của CĐ cty mẹ	5.20	7.35	11.8		7.44

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-228	-93.9	74.1	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-43.0	-21.8	-5.88	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	137	83.3	-118	0	0
Tiền đầu kỳ	438	304	271	0	0
Lưu chuyển tiền thuần	**-134**	**-32.3**	**-50.0**	**0**	**0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	304	271	221	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic